

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**Niêm yết công khai Quyết định số 547/QĐ-PGD V/v điều chỉnh chi ngân sách  
khối trường học năm 2022**

Hôm nay, vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Tại Bảng công khai tài chính, trường THCS Hiệp Hoà, xã Hiệp Hoà, thị xã  
Quảng Yên.

Chúng tôi gồm:

1. Ông/Bà: Nguyễn Thị Diên- Hiệu trưởng
2. Ông/Bà: Đào Thị Hà - Phó hiệu trưởng + Chủ tịch công đoàn
3. Ông/Bà: Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Kế toán
4. Ông/Bà: Bùi Thị Thu Oanh- Thanh tra nhân dân
5. Ông/Bà: Đinh Thị Thanh- Thư ký hội đồng

Có sự chứng kiến của:

1. Ông/Bà: Bùi Thị Mai Anh - Tổ trưởng tổ KHTN
2. Ông/Bà: Trần Thị Hoài Nam- Tổ trưởng tổ KHXH
3. Ông/Bà: Lương Thị Loan- Bí thư Đoàn

Lập biên bản về việc niêm yết công khai QĐ số 547/QĐ-PGD ngày 18/05/2022  
V/v điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2022; (Kèm theo Biểu số 02 Thông tư  
90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018);

Địa điểm niêm yết tại: Bảng công khai tài chính, trường THCS Hiệp Hoà, xã  
Hiệp Hoà, thị xã Quảng Yên

Thời gian niêm yết: Từ 13 giờ 40 phút ngày 20 tháng 5 năm 2022

**TRƯỜNG THCS HIỆP HOÀ**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Diên**

**NGƯỜI CÓ TRÁCH**

**NHIỆM NIÊM YẾT**

**Đinh Thị Thanh**

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**



**Đào Thị Hà**

**TỔ TRƯỞNG TỔ TN**

**Bùi Thị Mai Anh**

**TỔ TRƯỞNG TỔ XH**

**Trần Thị Hoài Nam**

**THANH TRA ND**

**Bùi Thị Thu Oanh**

Hiệp Hòa, ngày 20 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố công khai Điều chỉnh Dự toán chi ngân sách nhà nước  
khối trường học năm 2022**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS HIỆP HÒA**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-PGDĐT ngày 18/5/2022 V/v điều chỉnh dự toán chi ngân sách khối trường học năm 2022;

Xét đề nghị của Tổ văn phòng công khai Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai V/v Điều chỉnh Dự toán chi ngân sách nhà nước khối trường học năm 2022 (đính kèm theo biểu số 02 Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Tổ văn phòng (Kế toán) có trách nhiệm thực hiện quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD-ĐT Quảng Yên;
- Như điều 3 (T/h) ;
- Lưu VP.



**Nguyễn Thị Diên**

TRƯỜNG THCS HIỆP HÒA  
Chương: 622; Khoản 073

Biểu số 02  
Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC  
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**  
(Kèm theo Quyết định số 744/QĐ-THCS HH ngày 20/5/2022 của Trường THCS Hiệp Hòa)

DVT: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                       | Dự toán được giao |
|-------|------------------------------------------------|-------------------|
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí    |                   |
| I     | Số thu phí, lệ phí                             |                   |
| 1     | Học phí                                        |                   |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại               |                   |
| 1     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo                |                   |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                   |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 2     | Chi quản lý hành chính                         |                   |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                   |
| b     | Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ         |                   |
| III   | Số phí, lệ phí nộp NSNN                        |                   |
| 1     | Học phí                                        |                   |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                 | -121              |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                     | -121              |
| 1     | Chi quản lý hành chính                         |                   |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                   |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                   |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ            |                   |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |                   |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia     |                   |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ           |                   |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở        |                   |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng  |                   |
| 2.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề    | -121              |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 | -121              |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |

Số: 547/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách sự nghiệp giáo dục năm 2022  
của các đơn vị trường học trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo

### TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 5026/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở về việc điều chỉnh kinh phí quỹ lương năm 2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán chi ngân sách sự nghiệp giáo dục năm 2022 (nguồn kinh phí tự chủ) cho các đơn vị trường học sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giảm: 1.261.000.000đ

- Điều chỉnh tăng: 1.261.000.000đ

( Theo Phụ lục đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn sự nghiệp giáo dục năm 2022.

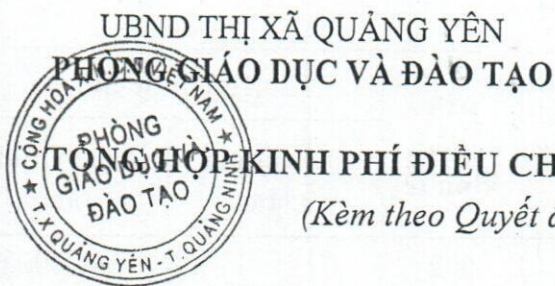
**Điều 2.** Căn cứ điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2022, Hiệu trưởng các trường tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (T/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, KT (02)/.

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THỊ XÃ QUẢNG YÊN - T. QUẢNG NINH  
Nguyễn Thị Thúy



Phụ lục

**TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH TĂNG GIẢM DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 547/QĐ-PGDĐT ngày 18/5/2022)

(Đơn vị tính: đồng)

| STT       | Tên đơn vị                    | Mã số quan hệ ngân sách | Chương | Mã ngành kinh tế | Nguồn tự chủ       |                   |
|-----------|-------------------------------|-------------------------|--------|------------------|--------------------|-------------------|
|           |                               |                         |        |                  | Điều chỉnh giảm    | Điều chỉnh tăng   |
| <b>I</b>  | <b>Khối mầm non, mẫu giáo</b> |                         |        |                  | <b>232.000.000</b> | <b>433.000.00</b> |
| 1         | Trường Mầm non Cộng Hòa       | 1105749                 | 622    | 071              |                    | 22.000.00         |
| 2         | Trường Mầm non Hà An          | 1105742                 | 622    | 071              |                    | 14.000.00         |
| 3         | Trường Mầm non Hoàng Tân      | 1105733                 | 622    | 071              |                    | 11.000.00         |
| 4         | Trường Mầm non Minh Thành     | 1105730                 | 622    | 071              |                    | 24.000.00         |
| 5         | Trường Mầm non Liên Vị        | 1105736                 | 622    | 071              |                    | 1.000.00          |
| 6         | Trường Mầm non Phong Cốc      | 1105745                 | 622    | 071              | 38.000.000         |                   |
| 7         | Trường Mầm non Phong Hải      | 1105739                 | 622    | 071              |                    | 24.000.00         |
| 8         | Trường Mầm non Tiên An        | 1105738                 | 622    | 071              |                    | 8.000.00          |
| 9         | Trường Mầm non Yên Giang      | 1105732                 | 622    | 071              |                    | 70.000.00         |
| 10        | Trường Mầm non Đông Mai       | 1105740                 | 622    | 071              | 21.000.000         |                   |
| 11        | Trường Mầm non Cẩm La         | 1105743                 | 622    | 071              | 51.000.000         |                   |
| 12        | Trường Mầm non Hiệp Hòa       | 1105735                 | 622    | 071              |                    | 20.000.00         |
| 13        | Trường Mầm non Liên Hòa       | 1105746                 | 622    | 071              |                    | 1.000.00          |
| 14        | Trường Mầm non Nam Hòa        | 1105741                 | 622    | 071              |                    | 58.000.00         |
| 15        | Trường Mầm non Sông Khoai     | 1105731                 | 622    | 071              |                    | 84.000.00         |
| 16        | Trường Mầm non Tân An         | 1105737                 | 622    | 071              |                    | 17.000.00         |
| 17        | Trường Mầm non Tiên Phong     | 1105748                 | 622    | 071              | 122.000.000        |                   |
| 18        | Trường Mầm non Yên Hải        | 1105747                 | 622    | 071              |                    | 16.000.00         |
| 19        | Trường Mầm non Hoa Hồng       | 1105734                 | 622    | 071              |                    | 63.000.00         |
| <b>II</b> | <b>Khối tiểu học</b>          |                         |        |                  | <b>468.000.000</b> | <b>429.000.00</b> |
| 1         | Trường Tiểu học Liên Vị       | 1026583                 | 622    | 072              |                    | 137.000.00        |
| 2         | Trường Tiểu học Hà An         | 1026585                 | 622    | 072              |                    | 5.000.00          |
| 3         | Trường Tiểu học Ngô Quyền     | 1025848                 | 622    | 072              | 119.000.000        |                   |
| 4         | Trường Tiểu học Phong Cốc     | 1025850                 | 622    | 072              | 48.000.000         |                   |
| 5         | Trường Tiểu học Sông Khoai 1  | 1027579                 | 622    | 072              | 51.000.000         |                   |
| 6         | Trường Tiểu học Liên Hòa      | 1026582                 | 622    | 072              |                    | 48.000.00         |
| 7         | Trường Tiểu học Minh Thành    | 1025853                 | 622    | 072              |                    | 22.000.00         |

| STT        | Tên đơn vị                           | Mã số<br>quan hệ<br>ngân<br>sách | Chương | Mã<br>ngành<br>kinh tế | Nguồn tự chủ       |                    |
|------------|--------------------------------------|----------------------------------|--------|------------------------|--------------------|--------------------|
|            |                                      |                                  |        |                        | Điều chỉnh<br>giảm | Điều chỉnh<br>tăng |
| 8          | Trường Tiểu học Hiệp Hòa             | 1025852                          | 622    | 072                    |                    | 41.000.000         |
| 9          | Trường Tiểu học Nguyễn Bình          | 1025844                          | 622    | 072                    | 94.000.000         |                    |
| 10         | Trường Tiểu học Nam Hòa              | 1026586                          | 622    | 072                    |                    | 7.000.000          |
| 11         | Trường Tiểu học Yên Giang            | 1026580                          | 622    | 072                    |                    | 53.000.000         |
| 12         | Trường Tiểu học Tiền An              | 1025847                          | 622    | 072                    | 4.000.000          |                    |
| 13         | Trường Tiểu học Tân An               | 1025845                          | 622    | 072                    | 30.000.000         |                    |
| 14         | Trường Tiểu học Đông Mai             | 1026581                          | 622    | 072                    |                    | 16.000.000         |
| 15         | Trường Tiểu học Phong Hải            | 1025851                          | 622    | 072                    |                    | 100.000.000        |
| 16         | Trường Tiểu học Yên Hải              | 1026584                          | 622    | 072                    | 1.000.000          |                    |
| 17         | Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuần     | 1026579                          | 622    | 072                    | 121.000.000        |                    |
| <b>III</b> | <b>Khối Trung học cơ sở</b>          |                                  |        |                        | <b>436.000.000</b> | <b>253.000.000</b> |
| 1          | Trường Trung học cơ sở Đông Mai      | 1027586                          | 622    | 073                    |                    | 54.000.000         |
| 2          | Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo | 1027582                          | 622    | 073                    |                    | 56.000.000         |
| 3          | Trường Trung học cơ sở Phong Cốc     | 1027585                          | 622    | 073                    |                    | 22.000.000         |
| 4          | Trường Trung học cơ sở Tiền An       | 1025843                          | 622    | 073                    | 16.000.000         |                    |
| 5          | Trường Trung học cơ sở Cộng Hòa      | 1025849                          | 622    | 073                    |                    | 26.000.000         |
| 6          | Trường Trung học cơ sở Phong Hải     | 1025838                          | 622    | 073                    |                    | 83.000.000         |
| 7          | Trường Trung học cơ sở Hà An         | 1027590                          | 622    | 073                    |                    | 12.000.000         |
| 8          | Trường Trung học cơ sở Nam Hòa       | 1027587                          | 622    | 073                    | 120.000.000        |                    |
| 9          | Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn    | 1027583                          | 622    | 073                    | 7.000.000          |                    |
| 10         | Trường Trung học cơ sở Hiệp Hòa      | 1027584                          | 622    | 073                    | 121.000.000        |                    |
| 11         | Trường Trung học cơ sở Sông Khoai    | 1025841                          | 622    | 073                    | 5.000.000          |                    |
| 12         | Trường Trung học cơ sở Minh Thành    | 1027588                          | 622    | 073                    | 104.000.000        |                    |
| 13         | Trường Trung học cơ sở Liên Hòa      | 1027589                          | 622    | 073                    | 55.000.000         |                    |
| 14         | Trường Trung học cơ sở Liên Vị       | 1025839                          | 622    | 073                    | 4.000.000          |                    |
| 15         | Trường Trung học cơ sở Yên Hải       | 1025842                          | 622    | 073                    | 4.000.000          |                    |
| <b>IV</b>  | <b>Khối Tiểu học và THCS</b>         |                                  |        |                        | <b>125.000.000</b> | <b>146.000.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Trường TH và THCS Tiền Phong</b>  |                                  |        |                        | <b>19.000.000</b>  | <b>79.000.000</b>  |
| a          | Trường Tiểu học Tiền Phong           | 1027578                          | 622    | 072                    | 19.000.000         |                    |
| b          | Trường THCS Tiền Phong               | 1027578                          | 622    | 073                    |                    | 79.000.000         |
| <b>2</b>   | <b>Trường TH và THCS Cẩm La</b>      |                                  |        |                        | <b>21.000.000</b>  | <b>60.000.000</b>  |
| a          | Trường Tiểu học Cẩm La               | 1130336                          | 622    | 072                    | 21.000.000         |                    |
| b          | Trường THCS Cẩm La                   | 1130336                          | 622    | 073                    |                    | 60.000.000         |

| STT       | Tên đơn vị                          | Mã số<br>quan hệ<br>ngân<br>sách | Chương | Mã<br>ngành<br>kinh tế | Nguồn tự chủ       |                    |
|-----------|-------------------------------------|----------------------------------|--------|------------------------|--------------------|--------------------|
|           |                                     |                                  |        |                        | Điều chỉnh<br>giảm | Điều chỉnh<br>tăng |
| 3         | <i>Trường TH và THCS Sông Khoai</i> |                                  |        |                        | 7.000.000          | 7.000.000          |
| a         | Trường Tiểu học Sông Khoai          | 1130337                          | 622    | 072                    | 7.000.000          |                    |
| b         | Trường THCS Sông Khoai              | 1130337                          | 622    | 073                    |                    | 7.000.000          |
| 4         | <i>Trường TH và THCS Hoàng Tân</i>  |                                  |        |                        | 78.000.000         | 78.000.000         |
| *         | Trường THCS Hoàng Tân               | 1131212                          | 622    | 073                    | 78.000.000         |                    |
| TỔNG CỘNG |                                     |                                  |        |                        | 1.261.000.000      | 1.261.000.000      |